

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1343/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 -9 - 2018
Vv Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Giáo

2/ Bà Tạ Thị Kim Tuyến

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Cao Hoàng Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 560/HNST ngày 24/12/2015 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4035/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương K, sinh năm 1980

Địa chỉ: 62L/16 đường Q, Phường E, quận R, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông L, sinh năm 1960

Địa chỉ: #923 Daechu-ri, Bongsan-myun, Damyang – gun, Jeollanam-do, South Korea.

(Bà Nguyễn Thị Phương K có đơn đề nghị Tòa án xử vắng mặt, ông L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2015 và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn –Bà Nguyễn Thị Phương K trình bày như sau:

Bà và ông L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 3360, quyền số 12 ngày 20/12/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp. Từ tháng 5 năm 2015 tới nay bà và ông L không còn liên lạc với nhau nữa. Vì thời gian xa

cách đã lâu, tình cảm giữa bà và ông L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: Bà và ông L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc, bà không thể tham gia phiên tòa theo lịch xét xử của Tòa án nên bà đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bị đơn – ông L, quốc tịch Hàn Quốc, hiện đang cư trú tại Hàn Quốc đã được Tòa án thực hiện việc ủy thác tư pháp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, lấy lời khai, thông báo thời gian kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ông L đã được Tòa án thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của đài tiếng nói nhân dân Việt Nam nhưng ông L vẫn không có bất cứ ý kiến nào phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho bà Nguyễn Thị Phương K được ly hôn với Ông L

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1], Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa Bà Nguyễn Thị Phương K và Ông L là “Ly hôn” theo qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị Phương K hiện cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh và có đơn xin ly hôn với ông L hiện định cư tại Hàn Quốc. Căn cứ Khoản 3 Điều 35; Điều 37; điểm d Khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2 Về thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện việc ủy thác tư pháp đối với bị đơn – Ông L hai lần.

Lần 1: Ngày 14/3/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản ủy thác tư pháp số 226/TTTPDS - TA gửi Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ ủy thác đến cơ quan có thẩm quyền để lấy lời khai, thông báo hòa giải và xét xử đối với ông L. Ngày 20/5/2016 Bộ Tư pháp đã có văn bản số 1967/ BTP-PLQT thông báo đã thực hiện ủy thác tư pháp cho Bộ Ngoại giao (Cục Lãnh sự) theo yêu cầu của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Lần 2: Ngày 06/11/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có văn bản Ủy thác tư pháp số 582/UTTPDS -TA30 gửi Bộ Tư pháp đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền để thông báo thụ lý, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, mở phiên tòa xét xử vụ án đối với ông L. Ngày 12/01/2018, Bộ tư pháp đã có văn bản gửi Cục quản lý Tòa án quốc gia, Hàn Quốc đề nghị thực hiện ủy thác tư pháp. Ngày 02/5/2018 Bộ Tư pháp Việt Nam đã có công văn số 1432/BTP-PLQT phúc đáp cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung đã nhận được văn bản số 2018-D-79 ngày 16/3/2018 của Cục Quản lý Tòa án quốc gia, Hàn Quốc thông báo kết quả thực hiện ủy thác tư pháp tại công văn số 582/UTTPDS - TA30 ngày 06/11/2017 đối với ông L, theo đó không thể thực hiện được ủy thác nêu trên do tại địa chỉ tổng đạt nhà đóng cửa.

Tòa án đã thông báo về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp cho Bà Nguyễn Thị Phương K biết và yêu cầu bà K cung cấp địa chỉ cư trú hiện tại của ông L. Tuy nhiên, bà K không thể cung cấp được nên bà có đơn yêu cầu Tòa án thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài phát thanh của Trung ương theo quy định tại điểm c Khoản 6 Điều 477 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

Ngày 17/7/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 4043/TATP-TDS gửi Đài tiếng nói nhân dân Việt Nam đề nghị Đài tiếng nói nhân dân Việt Nam phát thanh trên kênh dành cho người nước ngoài nhắc tìm ông L liên hệ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết việc ly hôn nêu trên (Thời gian đăng tin là ngày 06, 07, 08 tháng 8 năm 2018).

Tuy nhiên, ông L vẫn không có bất cứ ý kiến nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Phương K và cả hai lần đều vắng mặt tại phiên tòa.

Bà Nguyễn Thị Phương K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; của Bộ luật Tổ tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt Bà Nguyễn Thị Phương K và ông L.

[2] Về nội dung:

2.1 Về quan hệ vợ chồng:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 3360, quyển số 12 ngày 20/12/2009 của Sở Tư Pháp Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Bà Nguyễn Thị Phương K và ông L, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Thị Phương K và ông L là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Phương K, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà K với ông L hiện nay mỗi người ở một nơi, không có khả năng đoàn tụ do cả hai đã chấm dứt mọi sự quan tâm, liên lạc với nhau, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Mục đích hôn nhân mà các bên hướng tới đều không đạt được. Lời khai của bà K tại Tòa án thể hiện bà không còn tình cảm với ông L và cương quyết xin được ly hôn với ông L để ổn định cuộc sống. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Phương K.

2.2 Về con chung: Bà K khai bà và ông L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2.3 Về tài sản chung: Bà K khai bà và ông L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2.4 Về nợ chung: Bà K khai bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 37, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, và điểm d Khoản 1 Điều 469, Điểm c Khoản 6 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 (Có hiệu lực ngày 01/01/2015); Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Phương K.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị Phương K và ông L được ly hôn với nhau.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương K khai bà và ông L không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Phương K khai bà và ông L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Phương K khai bà và ông L không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 (hai trăm nghìn) đồng bà K đã nộp theo biên lai thu số: AG/2010/09770 ngày 17/12/2015 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cân trừ bà Nguyễn Thị Phương K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Nguyễn Thị Phương K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, ông L được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng (một tháng), kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hoa